

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG HAT TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG HAT TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOAN CAU HAT TELECOMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAT TELECOM.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107294391

**3. Ngày thành lập:** 14/01/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 113, phố Thiên Hiền, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984.984.688

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                       | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                    | 1812     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                   | 5510     |
| 4.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                        | 4711     |
| 5.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại ;          | 4719     |
| 6.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4721     |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                            | 4722     |
| 8.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4723     |
| 9.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                      | 4741     |
| 10. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4742     |
| 11. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4761     |
| 12. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                            | 5610     |
| 13. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                               | 5621     |
| 14. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể | 5629     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán rượu; quán giải khát; dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống;                                                                    | 5630        |
| 16. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (Trong ngành nghề này không bao gồm: sản xuất phim các loại);                                                                                                              | 5911        |
| 17. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                         | 5913        |
| 18. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau:<br>- Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up);<br>- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); | 6190(Chính) |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau:<br>khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                                                          | 6209        |
| 20. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                             | 6329        |
| 21. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3240        |
| 22. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632        |
| 23. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chỉ gồm có:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>- Bán buôn ô dù;<br>- Bán buôn dao, kéo;<br>- Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp;<br>- Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp);<br>- Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; | 4649                                                                |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652                                                                |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4791                                                                |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230                                                                |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299                                                                |
| 29. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8560                                                                |
| 30. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chỉ gồm có: Dịch vụ tư vấn, quảng cáo và quản lý bất động sản;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6820                                                                |
| 31. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310                                                                |
| 32. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320                                                                |
| 33. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7911                                                                |
| 34. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7912                                                                |
| 35. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7920                                                                |
| 36. | (Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO QUANG THỊNH | Thôn Phương Trù, Xã Yên Phương, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 63.000     | 630.000.000           | 35,000    | 135196952                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 63.000     | 630.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HÀ   | Xóm Giữa, Xã Phú Nam An, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 54.000     | 540.000.000           | 30,000    | 111863353                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 54.000     | 540.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM VĂN AN     | Xóm 11, Xã Trục Thắng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 63.000     | 630.000.000           | 35,000    | 162788587                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 63.000     | 630.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ĐÀO QUANG THỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 01/04/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 135196952

Ngày cấp: 18/11/2002

Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Phương Trù, Xã Yên Phương, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà 113, phố Thiên Hiền, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội